

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 1276/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 06 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Cộng tác viên kiểm tra văn bản tỉnh Hưng Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Cộng tác viên kiểm tra văn bản tỉnh Hưng Yên.

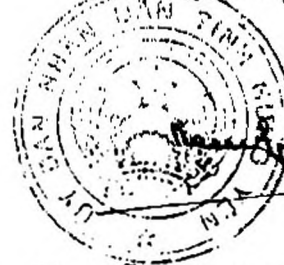
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, CVNC^{Hào}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Quang

QUY CHẾ

Cộng tác viên kiểm tra văn bản tỉnh Hưng Yên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tiêu chuẩn, nguyên tắc, phạm vi hoạt động, quyền và nghĩa vụ; hợp đồng Cộng tác viên; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức sử dụng Cộng tác viên kiểm tra văn bản đối với hoạt động tự kiểm tra văn bản của UBND tỉnh và kiểm tra văn bản theo thẩm quyền của HĐND, UBND các huyện, thành phố (gọi tắt là cấp huyện) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Cộng tác viên kiểm tra văn bản; cơ quan sử dụng Cộng tác viên và cơ quan, tổ chức liên quan đến hoạt động Cộng tác viên kiểm tra văn bản.

Điều 3. Cơ quan sử dụng Cộng tác viên

1. Sở Tư pháp là cơ quan giúp UBND tỉnh thực hiện việc tự kiểm tra và kiểm tra theo thẩm quyền văn bản theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL).

2. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc xây dựng, tổ chức và quản lý đội ngũ Cộng tác viên kiểm tra văn bản.

3. Giám đốc Sở Tư pháp quyết định quy mô đội ngũ Cộng tác viên kiểm tra văn bản và ban hành Quyết định công bố danh sách Cộng tác viên.

Điều 4. Mục đích kiểm tra văn bản

Cộng tác viên giúp cơ quan có thẩm quyền kiểm tra văn bản nhằm phát hiện những văn bản có nội dung trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo với các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc cùng cấp; văn bản hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để kịp thời kiến nghị các biện pháp xử lý văn bản theo quy định pháp luật. Đồng thời, kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xác định trách nhiệm của cơ quan, người có liên quan

trong việc tham mưu, xây dựng ban hành văn bản có nội dung trái pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Cộng tác viên

1. Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kiểm tra và xử lý văn bản.
2. Thực hiện công việc theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng cộng tác đã ký, theo cơ chế khoán việc hoặc hợp đồng có thời hạn.
3. Đảm bảo chính xác, khách quan theo đúng quy định của pháp luật.
4. Nghiêm cấm lợi dụng việc kiểm tra văn bản vì mục đích vụ lợi cá nhân, gây khó khăn cho hoạt động bình thường của cơ quan, người có văn bản được kiểm tra.
5. Chịu sự quản lý, hướng dẫn nghiệp vụ và thực hiện theo yêu cầu của Sở Tư pháp.
6. Chịu trách nhiệm đối với kết quả kiểm tra văn bản do mình thực hiện.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CỘNG TÁC VIÊN

Điều 6. Cộng tác viên

Cộng tác viên là người có kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng và kiểm tra văn bản phù hợp với lĩnh vực văn bản được kiểm tra do Giám đốc Sở Tư pháp ký hợp đồng cộng tác, hoạt động theo cơ chế khoán việc hoặc hợp đồng có thời hạn, chịu sự quản lý, hướng dẫn nghiệp vụ và thực hiện công việc theo yêu cầu của Sở Tư pháp.

Điều 7. Tiêu chuẩn Cộng tác viên

1. Đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành luật hoặc chuyên ngành khác phù hợp với lĩnh vực văn bản được kiểm tra.
2. Có thời gian công tác trong các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện từ 03 năm trở lên.
3. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị xử lý kỷ luật hoặc bị kết án nhưng chưa được xóa án tích.
4. Có nguyện vọng trở thành Cộng tác viên và được cơ quan nơi đang công tác giới thiệu bằng văn bản.

Điều 8. Phạm vi kiểm tra văn bản của Cộng tác viên

1. Cộng tác viên được tham gia thực hiện các công việc sau:
 - a) Tự kiểm tra Quyết định do UBND tỉnh ban hành; văn bản có chứa QPPL nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL; văn bản có chứa QPPL hoặc có thể thức như văn bản QPPL do cơ quan, người không có thẩm quyền ban hành;

b) Kiểm tra theo thẩm quyền văn bản do HĐND, UBND cấp huyện ban hành; văn bản có chứa QPPL nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL; văn bản có chứa QPPL hoặc có thể thức như văn bản QPPL do cơ quan, người không có thẩm quyền ban hành;

2. Nội dung kiểm tra văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 104 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

a) Kiểm tra về thẩm quyền ban hành văn bản gồm kiểm tra thẩm quyền về hình thức và kiểm tra thẩm quyền về nội dung;

b) Kiểm tra về nội dung của văn bản;

c) Kiểm tra về căn cứ ban hành; thể thức, kỹ thuật trình bày; trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản;

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Cộng tác viên

1. Quyền của Cộng tác viên

a) Được tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về công tác kiểm tra, xử lý văn bản;

b) Được cung cấp tài liệu, văn bản và các điều kiện cần thiết khác để phục vụ cho công tác kiểm tra, xử lý văn bản theo quy định của pháp luật;

c) Được hưởng thù lao và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Cộng tác viên

a) Thực hiện công việc kiểm tra văn bản theo đúng thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc theo yêu cầu của Sở Tư pháp;

b) Tuân thủ nguyên tắc hoạt động quy định tại Điều 5 Quy chế này;

c) Giữ bí mật công tác, bí mật nhà nước.

Điều 10. Hợp đồng Cộng tác viên

1. Thẩm quyền: Căn cứ nhu cầu công tác kiểm tra văn bản và nội dung văn bản cần kiểm tra, Giám đốc Sở Tư pháp ký hợp đồng cộng tác với Cộng tác viên có kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực văn bản được kiểm tra.

2. Hợp đồng Cộng tác viên được thực hiện theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo Quy chế này.

Điều 11. Chấm dứt hợp đồng Cộng tác viên

Hợp đồng Cộng tác viên được chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hợp đồng đã được hoàn thành.

2. Theo sự thỏa thuận của hai bên.

3. Cộng tác viên bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Cộng tác viên vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 2, Điều 9 Quy chế này.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng, quản lý, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ Cộng tác viên thực hiện việc kiểm tra văn bản.

2. Giám đốc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy chế này; định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và cơ quan, người có thẩm quyền về tình hình tổ chức, quản lý Cộng tác viên.

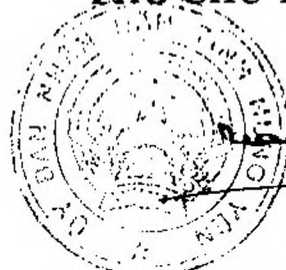
Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức liên quan đến hoạt động Cộng tác viên kiểm tra văn bản

1. Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí đảm bảo hoạt động của Cộng tác viên theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và các đơn vị khác trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giới thiệu người thuộc đơn vị mình có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 7 Quy chế này tham gia Cộng tác viên; hỗ trợ, tạo điều kiện cho Cộng tác viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra văn bản theo quy định. Giấy giới thiệu tham gia Cộng tác viên kiểm tra văn bản được thực hiện theo mẫu tại Phụ II ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm đề xuất Giám đốc Sở Tư pháp trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế này. / *ngoc*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Quang